

Số: 165/2022/QĐCNTTLH

Hải Phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ vào điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Đào Thị Bích N và anh Bùi Xuân T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị Bích N.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 03 tháng 6 năm 2022 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Người khởi kiện: Chị Đào Thị Bích N, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số 18/84 P, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng;

- Người bị kiện: Anh Bùi Xuân T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số 18/84 P, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 03 tháng 6 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 03 tháng 6 năm 2022, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Bích N và anh Bùi Xuân T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Đức H, sinh ngày 07/01/2014 và Bùi Đức H, sinh ngày 16/12/2021. Ly hôn hai bên thỏa thuận giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan THADS để thi hành;
- UBND phường L, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (GCNKH ngày 02/10/2013);
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Phong Lan

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐ:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân cấp tỉnh của tỉnh đó nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện (ví dụ: Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng thì ghi “TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG”; Ghi “TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO” nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp tỉnh.
- (2) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định;
- (3) Ghi loại tranh chấp, VD: HNGĐ, DS, KDTM.....
- (4) Ghi họ tên của Thẩm phán ký quyết định.
- (5) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.
- (7) (8) Ghi đầy đủ tên, năm sinh, nơi cư trú của các bên đương sự.
- (9) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (10) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các bên về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ việc đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận kết quả hoà giải thành tại Tòa án.